TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/DS-PT
Ngày 09-01-2025
V/v tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tính mạng bị xâm phạm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:	Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng
Các Thẩm phán:	Bà Đinh Thị Mộng Tuyết
	Ông Nguyễn Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Thoại – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 434/2024/TLPT-DS ngày 15/10/2024 về việc "tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tính mạng bị xâm phạm".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2024/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 434/2024/QĐ-PT ngày 04/11/2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 525/2024/QĐ-PT ngày 21/11/2024, Thông báo mở lại phiên tòa phúc thẩm số 03/TB-TA ngày 02/01/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Cao Trần Thế A, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An; địa chỉ tạm trú: phòng A, nhà trọ Nguyễn Thị Kim C, đường số B, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn S, sinh năm 1987; địa chỉ: tổ E, khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 17/01/2024).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH H2; địa chỉ trụ sở: lô K, đường N và D4, khu công nghiệp N mở rộng, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lưu Văn B, sinh năm 1977; địa chỉ: số B, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Thỏa thuận ủy quyền số 0205/TTUQ ngày 02/5/2024).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1956; địa chỉ: xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

2. Cháu Cao Phạm Đăng K, sinh năm 2021;

3. Cháu Cao Phạm Lâm A1, sinh năm 2018;

Cùng địa chỉ: phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của cháu Cao Phạm Đăng K và cháu Cao Phạm Lâm A1: Ông Cao Trần Thế A, sinh năm 1993 (cha ruột); địa chỉ thường trú: phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An; địa chỉ tạm trú: phòng A, nhà trọ Nguyễn Thị Kim C, đường số B, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

4. Ông Trần Thanh D, sinh năm 1996; địa chỉ: tổ A, ấp T, xã B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

5. Công ty TNHH B1 (Việt Nam); địa chỉ: tầng A, Tòa nhà R, số I, đường Đ, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Dương Quỳnh H1; chức vụ: Trưởng phòng Bộ phận Kiểm soát tuân thủ (giấy ủy quyền ngày 14/11/2024).

- *Người kháng cáo:* Người đại diện hợp pháp nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Đơn khởi kiện ngày 22/01/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn S trình bày:

Khoảng 13 giờ 20 phút ngày 15/02/2023, bà Phạm Thị N (sinh năm 1998; địa chỉ thường trú: xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An) điều khiển xe mô tô biển số 37G1-733.86 chở theo cháu ruột là Nguyễn Quốc C1, sinh năm 2008 lưu thông trên đường L theo hướng từ ngã tư Xã C về hướng cầu K. Khi lưu thông đến đoạn đường thuộc khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương, do thiếu chú ý quan sát nên bà N đã điều khiển xe mô tô chuyển hướng rẽ trái qua đường để đi vào Trường trung học cơ sở K1 thì xảy ra va chạm với xe ô tô biển số 61LD-046.42 do Trần Thanh D điều khiển đang lưu thông theo hướng ngược lại. Hậu quả bà Phạm Thị N bị thương tích nặng đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện C3 đến ngày 18/02/2023 thì tử vong.

Mặc dù ông Trần Thanh D không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng hành vi gây thiệt hại của ông D không phải trường hợp bất khả kháng theo quy

định tại khoản 1 Điều 156 của Bộ luật Dân sự, vì tại thời điểm chuẩn bị xảy ra va chạm, mật độ tham gia giao thông đông đúc do đoạn đường xảy ra tai nạn gần trường học, thời điểm xảy ra tai nạn (13 giờ 20 phút) là thời gian các phụ huynh đưa con đến trường, đoạn đường có biển cảnh báo "Trẻ em", đường có chiều rộng nhỏ không có dải phân cách nên người tham gia giao thông ở đoạn đường này phải đi chậm, thận trọng đề phòng khả năng xuất hiện, di chuyển bất ngờ của trẻ em trên mặt đường, nhưng trong vụ tai nạn nêu trên, khi đi qua khu vực có nguy cơ cao trẻ em đột nhiên chạy qua đường, ông Trần Thanh D lường trước được sự nguy hiểm có thể xảy ra đã không thực hiện các biện pháp cần thiết như phải giảm tốc độ đến mức cần thiết, chú ý quan sát và chuẩn bị sẵn sàng xử lý những tình huống có thể xảy ra để phòng ngừa tai nạn mà vẫn đi với vận tốc 43,41 km/h đến 46,41km/h. Theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ G quy định tốc độ tối đa của xe cơ giới khi tham gia giao thông trong khu vực đông dân cư đối với đường 02 chiều là 50km/h, ông D đi với tốc độ 43,41 km/h đến 46,41km/h là rất nhanh khi đi qua khu vực có cảnh báo trẻ em.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 601 của Bộ luật Dân sự thì chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Tuy ông D không có lỗi trong việc gây ra thiệt hại đối với tính mạng của bà N nhưng do ông D sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ gây ra thiệt hại nên Công ty TNHH H2 là chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ và là người thuê ông D lái xe phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra.

Từ những lý do nêu trên, nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH H2 bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị N gồm: bà Trần Thị H, ông Cao Trần Thế A, cháu Cao Phạm Lâm A1, cháu Cao Phạm Đăng K các khoản tiền như sau:

- Chi phí mai táng, chi phí đưa thi thể bà N về quê chôn cất: 80.000.000 đồng;

- Chi phí điều trị tại bệnh viện: 29.495.752 đồng;

- Tiền cấp dưỡng nuôi con của bà N mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, cụ thể:

+ Đối với cháu Cao Phạm Lâm A1, sinh ngày 17/7/2018: tạm tính từ ngày xảy ra tai nạn (ngày 15/02/2023) đến khi cháu A1 đủ 18 tuổi là 161 tháng, tương ứng với số tiền: 161 tháng x 2.000.000 đồng/tháng = 322.000.000 đồng;

+ Đối với cháu Cao Phạm Đăng K, sinh ngày 05/3/2021: tạm tính từ ngày xảy ra tai nạn (ngày 15/02/2023) đến khi cháu K đủ 18 tuổi là 192 tháng, tương ứng với số tiền: 192 tháng x 2.000.000 đồng/tháng = 384.000.000 đồng;

- Tiền bù đắp tổn thất tinh thần: 180.000.000 đồng;

Tổng số tiền bị đơn phải bồi thường 833.495.752 đồng.

Bị đơn trình bày:

Ông Trần Thanh D là tài xế lái xe tải của bị đơn. Tuy các bên chưa giao kết hợp đồng lao động nhưng tại thời điểm xảy ra tai nạn giao thông (ngày

15/02/2023), ông D là người lao động của bị đơn. Xe ô tô biển số 61LD- 046.42 do bị đơn là chủ sở hữu. Theo Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 267/TB-CQĐT ngày 11/7/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T thì lỗi gây tai nạn giao thông hoàn toàn do bà Phạm Thị N. Do đó, bị đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thời điểm xảy ra tai nạn giao thông, xe ô tô biển số 61LD- 046.42 đang trong thời hạn có mua bảo hiểm, trong đó có hạng mục Bảo hiểm trách nhiệm dân sự với bên thứ ba với mức bồi thường là 100.000.000 đồng. Đơn vị cung cấp bảo hiểm, đồng thời là bên có trách nhiệm bồi thường cho người thứ ba theo hợp đồng là Công ty TNHH B1 (Việt Nam) nên bị đơn đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH B1 (Việt Nam) có trách nhiệm tiến hành hồ sơ bồi thường để bồi thường cho người thứ ba trong vụ án này. Bị đơn không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập đối với Công ty TNHH B1 (Việt Nam).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày:

Thống nhất ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh D trình bày:

Ông D có bằng lái xe ô tô hạng C, làm nghề tài xế lái xe ô tô tải cho Công ty TNHH H2 được khoảng gần 01 năm cho đến khi xảy ra tai nạn. Theo quy định của công ty TNHH H2, người lao động làm thử việc được 06 tháng trở lên thì ký hợp đồng lao động, nhiều lần ông D đề nghị Công ty ký hợp đồng lao động nhưng Công ty vẫn không ký, đến thời điểm xảy ra tai nạn ông D chưa ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH H2.

Khoảng 14 giờ ngày 15/02/2023, ông D điều khiển xe ô tô biển số 61LD.04642 đi trên đường L từ cầu K về hướng ngã tư Xã C. Khi ông D đi qua ngã ba vào Trường trung học cơ sở K1 khoảng 20m, bất ngờ bà Phạm Thị N điều khiển xe mô tô biển số 37G1 – 733.86 chở một người ngồi phía sau đi hướng từ phường K (ngã tư Xã C) đến cầu K chuyển hướng rẽ trái qua đường để đi ngược chiều vào Trường trung học Cơ sở K1; ông D lập tức đạp phanh xe và đánh tay lái sang bên phải nhưng vẫn tránh không kịp; xe của bà N đã va chạm vào đầu xe ô tô do ông D điều khiển và té ngã về phía bên trái. Tại thời điểm xảy ra tai nạn, ông D điều khiển xe đúng quy định pháp luật, đi đúng làn đường, đúng tốc độ, không sử dụng rượu bia hay chất kích thích khác. Bà Nguyệt tham gia giao thông không đội mũ bảo hiểm. Sau khi vụ tai nạn xảy ra, Công an đã làm việc với ông D, dựng lại hiện trường và kết luận nguyên nhân xảy ra tai nạn là do bà N điều khiển xe thiếu chú ý quan sát nên không khởi tố vụ án hình sự đối với ông D. Sau khi sự việc xảy ra, ông D có qua lại hỏi thăm, động viên và hỗ trợ gia đình bà N số tiền 30.000.000 đồng. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại thì ông D đồng ý bồi thường cho gia đình bà N số tiền 200.000.000 đồng, số tiền còn lại thì bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường, ông D xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH B1 (Việt Nam) trình bày (viết tắt Công ty B1):

Công ty TNHH H2 có mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự cho xe ô tô biển số 61LD-046.42 tại Công ty B1. Sau khi tai nạn xảy ra, Công ty TNHH H2 có thông báo cho Công ty B1 biết và yêu cầu thực hiện thủ tục bồi thường. Tuy nhiên, đến nay Công ty TNHH H2 chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ tai nạn giao thông cho Công ty B1 nên Công ty B1 chưa thực hiện được thủ tục bồi thường tai nạn theo yêu cầu của Công ty TNHH H2. Do cần thời gian kiểm tra, đối chiếu lại giấy phép lái xe của ông Trần Thanh D là người điều khiển xe ô tô biển số 61LD-046.42, xác định nguyên nhân, lỗi gây tai nạn nên khi nào hoàn thành xong thủ tục bồi thường thì Công ty B1 sẽ thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho Công ty TNHH H2 theo đúng quy định pháp luật. Bà H và ông T có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến: theo kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T thì lỗi gây tai nạn là do bà Phạm Thị N. Tuy nhiên, tại khoản 3 Điều 601 của Bộ luật Dân sự quy định: *"Chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường cả khi không có lỗi, trừ trường hợp thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi cố ý của người bị thiệt hại, thiệt hại xảy ra trong trường hợp bất khả kháng hoặc tình thế cấp thiết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".* Lỗi của bà N trong vụ tai nạn giao thông là lỗi vô ý, không phải lỗi cố ý; tai nạn xảy ra cũng không phải do sự kiện bất khả kháng hay tình thế cấp thiết. Do đó, bị đơn là chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ gây ra thiệt hại phải bồi thường do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra theo quy định tại Điều 600 của Bộ luật Dân sự.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày ý kiến: theo Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin tội phạm của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương kết luận lỗi gây ra vụ tai nạn giao thông là do bà Phạm Thị N nên không khởi tố vụ án hình sự đối với ông Trần Thanh D do không có sự việc phạm tội. Do ông D không có lỗi nên căn cứ vào khoản 2 Điều 584, khoản 3 Điều 601 của Bộ luật Dân sự, bị đơn là chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ không phải bồi thường thiệt hại cho bà Phạm Thị N. Bị đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2024/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 180, 227, 228, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 584, 585, 586, 600 và 601 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Cao Trần Thế A đối với Công ty TNHH H2 về việc "tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tính mạng bị xâm phạm".

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Cao Trần Thế A được miễn án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 26/8/2024, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Số tiền Công ty đưa ông D là quan hệ giữa Công ty và ông D, việc Công ty nói hỗ trợ khi nhận được tiền bảo hiểm thì đề nghị cân nhắc.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Lỗi trong vụ án này là do bà N; căn cứ quy định tại các Điều 585, 589, 590, 591, 601 Bộ luật Dân sự yêu cầu không có cơ sở chấp nhận; căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường theo quy định tại Điều 584 Bộ luật Dân sự là lỗi của bên bị thiệt hại; bị đơn sẽ xem xét hỗ trợ khi nhận được tiền bảo hiểm chi trả; Công ty có đưa ông D 30.000.000 đồng để đưa người bị hại.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng cáo của nguyên đơn đã nộp nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Tuy nhiên, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D đã hỗ trợ cho gia đình nguyên đơn 30.000.000 đồng và đồng ý hỗ trợ thêm 200.000.000 đồng. Do đó, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên theo hướng không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D đồng ý hỗ trợ cho gia đình nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H, ông Trần Thanh D, Công ty B1; người đại diện hợp pháp của cháu Cao Phạm Đăng K và cháu Cao Phạm Lâm A1 là ông C2 Trần Thế A có yêu cầu giải quyết vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn kháng cáo với lý do: Bản án sơ thẩm không áp dụng đúng quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 584, khoản 3 Điều 601 Bộ luật Dân sự; ông D có ý kiến bồi thường cho gia đình bị hại 200.000.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không hỏi ý kiến gia đình nguyên đơn để thỏa

thuận bồi thường là chưa đảm bảo quyền lợi cho gia đình bị hại; Công ty B1 đang thực hiện thủ tục chi trả tiền bảo hiểm cho Công ty TNHH H2 với số tiền 100.000.000 đồng để bồi thường cho tính mạng bà N mà ô tô của Công ty gây ra nhưng Tòa án cấp sơ thẩm quyết định Công ty H2 không phải bồi thường sẽ diễn ra việc người gây thiệt hại được bồi thường còn người thiệt hại thì không được hưởng tiền bồi thường.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hồ sơ vụ án thể hiện:

Theo Biên bản vụ việc hành chính ngày 15/02/2023, Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 15/02/2023, biên bản khám nghiệm phương tiện ngày 15/02/2023, sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông đường bộ ngày 15/02/2023; biên bản kiểm tra hệ thống camera an ninh tại khu vực xảy ra tai nạn giao thông ngày 17/02/2023; Báo cáo vụ việc ngày 03/3/2023 của Công an phường K biên bản dựng lại hiện trường ngày 16/6/2023 + sơ đồ hiện trường dựng lại của Công an thị xã T; Kết luận giám định số 272/KL-KTHS (CH) ngày 23/6/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh B; Bản Kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 380/2023/KLGĐ-TTPY ngày 23/6/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh B, thể hiện: Khoảng 13 giờ 20 phút ngày 15/02/2023, bà Phạm Thị N, sinh năm 1998 điều khiển xe mô tô biển số 37G1 – 733.86 chở theo Nguyễn Quốc C1, sinh năm 2008 lưu thông trên đường L theo hướng từ ngã tư Xã C về hướng cầu K. Khi lưu thông đến đoạn đường thuộc khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bà N điều khiển xe chuyển hướng rẽ trái qua đường để đi vào Trường trung học cơ sở K1 thì xảy ra va chạm với xe ô tô biển số 61LD-046.42 do Trần Thanh D điều khiển đang lưu thông theo hướng ngược lại. Tai nạn xảy ra làm bà Phạm Thị N bị thương tích nặng được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện C3, đến ngày 18/02/2023 thì bà N tử vong, nguyên nhân bị đa chấn thương, tổn thương não mức độ nặng, dập não xuất huyết lan tỏa gây chèn ép não thất, chết não lâm sáng dẫn đến tử vong.

Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 58/QĐ-CQĐT ngày 11/7/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T thể hiện: Nguyên nhân xảy ra tai nạn giao thông là do Phạm Thị N điều khiển xe mô tô biển số 37G1-733.86 lưu thông thiếu chú ý quan sát, chuyển hướng không đảm bảo an toàn dẫn đến tai nạn giao thông với xe ô tô tải biển số 61LD-046.42 đang lưu thông hướng ngược lại. Hành vi của Phạm Thị N đã vi phạm vào khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ năm 2008. Quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với vụ "tai nạn giao thông đường bộ" xảy ra ngày 15/02/2023 tại đường L thuộc khu phố K, phường K, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương.

Ngày 11/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T ra Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 267/TB-CQĐT, thông báo kết quả giải quyết tin báo vụ "tai nạn giao thông đường bộ" trên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 58/QĐ-CQĐT ngày 11/7/2023.

[2.2] Căn cứ tài liệu, chứng cứ do Cơ quan cảnh sát điều tra C (nay là thành phố) Tân Uyên cung cấp: Thời điểm xảy ra tai nạn, Trần Thanh D điều khiển xe

ô tô tải biển số 61LD-046.42 tham gia giao thông đã đủ độ tuổi (25 tuổi), có giấy phép lái xe hạng C, đi đúng làn đường dành cho xe ô tô (làn đường bên trái), điều khiển xe trong giới hạn tốc độ cho phép (dưới 50km/h), trong cơ thể không có chất ma túy, trong máu hoặc hơi thở không có nồng độ cồn, xe ô tô bảo đảm các quy định về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Như vậy, ông Trần Thanh D đã tuân thủ đúng quy tắc giao thông được quy định tại các khoản 7, 8, 9 Điều 8; khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 13; khoản 1 và khoản 2 Điều 53; điểm d khoản 4 Điều 59; điểm b khoản 1 Điều 60 của Luật Giao thông đường bộ và Điều 6 của Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ G. Bà Phạm Thị N điều khiển xe mô tô biển số 37G1-733.86 tham gia giao thông cho xe chuyển hướng đột ngột, không đảm bảo an toàn, không chú ý quan sát, không nhường đường cho xe đi ngược chiều dẫn đến va chạm với xe ô tô biển số 61LD-046.42 là bà N đã đi sai quy tắc giao thông, vi phạm khoản 2 Điều 15 của Luật Giao thông đường bộ, dẫn đến hậu quả bà N chết.

Về lỗi, gây ra vụ tai nạn, gây ra thiệt hại là do bà N, nên bà N phải chịu trách nhiệm về hậu quả của vụ tai nạn giao thông. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 584, khoản 3 Điều 601 của Bộ luật Dân sự và theo khoản 1 Điều 2, điểm b khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.3] Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2024 của Tòa án cấp sơ thẩm, ông D đồng ý bồi thường cho gia đình bà N số tiền 200.000.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận sự tự nguyện của ông D là chưa phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, ông D tiếp tục đồng ý bồi thường số tiền trên, thực tế ông D đã hỗ trợ trước 30.000.000 đồng, nay ông D đồng ý hỗ trợ số tiền còn lại 170.000.000 đồng cho các đồng thừa kế của bà N, nên Tòa án ghi nhận.

[2.4] Đối với hợp đồng bảo hiểm giữa bị đơn và Công ty B1, các đương sự không có yêu cầu giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận một phần.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 584, 585, 601 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn S.

1.1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2024/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, như sau:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Cao Trần Thế A đối với Công ty TNHH H2 về việc "tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tính mạng bị xâm phạm".

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Thanh D về việc hỗ trợ cho các đồng thừa kế của bà Phạm Thị N gồm: Ông Cao Trần Thế A, bà Trần Thị H, cháu Cao Phạm Đăng K, cháu Cao Phạm Lâm A1 số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Ông Trần Thanh D đã thanh toán được 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), số tiền còn lại phải thanh toán 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Cao Trần Thế A được miễn án phí.

Ông Trần Thanh D không phải chịu án phí.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Trả cho ông C2 Trần Thế A 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000450 ngày 27/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương (ông Nguyễn Tuấn S nộp thay).

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyên Hằng